

Doanh nghiệp xây dựng thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa: thực trạng và giải pháp

**CAO VĂN KẾ
ĐỖ TUẤN THÀNH**

Xung hoảng và suy thoái kinh tế trên thế giới và khu vực đã buộc nền kinh tế nói chung và ngành xây dựng nói riêng phải tái cơ cấu sản xuất, điều chỉnh cơ cấu đầu tư để thích ứng và phát triển. Bài viết đề cập đến tình hình hoạt động của doanh nghiệp xây dựng trong những năm vừa qua, từ đó đề ra giải pháp chủ yếu góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp.

1. Nhìn lại ngành xây dựng từ năm 2008 – 2013

1.1. Khuôn khổ pháp lý nhằm phát triển thị trường ngành xây dựng tiến tới hoàn thiện cơ chế chính sách

Giai đoạn 2008 – 2013 đã trôi qua, bối cảnh kinh tế khép lại với nhiều bất ổn, tình hình bất động sản tuy đã có dấu hiệu khởi sắc nhưng vẫn còn nhiều hạn chế. Để ngành xây dựng vượt qua khó khăn, các cơ quan quản lý nhà nước đang tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và công cụ quản lý chi phí. Trong đó tập trung hoàn thiện các Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 48/2010/NĐ-CP ngày 7-5-2010 của Chính phủ về hợp đồng trong hoạt động xây dựng, các thông tư về quản lý chi phí xây dựng, chi phí quy hoạch xây dựng, chi phí tư vấn và quản lý dự án trong đầu tư xây dựng, chi phí khảo sát xây dựng, quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị; sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật trong xây dựng.

Để hoàn thiện Nghị định số 48/NĐ-CP nêu trên, Chính phủ tiếp tục ban hành Nghị định số 207/NĐ-CP ngày 11-12-2013 và các thông tư hướng dẫn về lập, quản lý quy hoạch xây dựng, chi phí khảo sát xây dựng, chi phí xây dựng, chi phí tư vấn và quản lý dự án. Mặt khác, theo Nghị quyết số 10/2012/QH13 của Quốc hội, đến nay Bộ Xây

dựng đang tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các định mức kinh tế kỹ thuật, các loại đơn giá đầu tư, đơn giá xây dựng để làm cơ sở cho việc quyết định đầu tư và thanh quyết toán công trình được kịp thời, công khai, minh bạch; tạo cơ chế cạnh tranh lành mạnh để hạ giá thành sản phẩm và tăng sức cạnh tranh của ngành xây dựng Việt Nam. Đồng thời nhiều chính sách thuế được ban hành, như: Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi), Luật Thuế thu nhập cá nhân (sửa đổi), và các nghị định, thông tư hướng dẫn đều tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp xây dựng (DNXD) và người lao động.

Những chính sách nêu trên đã góp phần hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về đầu tư và xây dựng, về hoạt động kinh doanh xây dựng, đồng thời tạo môi trường bình đẳng, minh bạch để các DNXD cạnh tranh lành mạnh, phát triển bền vững.

1.2. Tình hình hoạt động của các doanh nghiệp xây dựng

Tính đến ngày 31-12-2013, có tới 17.000 doanh nghiệp ngành xây dựng kinh doanh thua lỗ trên tổng số gần 56.000 doanh nghiệp hiện đang hoạt động (tăng gần 17% so với năm 2011). Số doanh nghiệp dừng hoạt động

Cao Văn Kế, ThS., Quản chủng Phòng không - Không quân; Đỗ Tuấn Thành, ThS., Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

hoặc giải thể là 2.637 doanh nghiệp (tăng gần 9% so với 2.411 doanh nghiệp trong năm 2011). Ngoài ra ngành xây dựng phải đối mặt với các vấn đề nghiêm trọng, đó là: các nguồn lực phát triển giảm mạnh, niềm tin vào thị trường giảm, sức mua bị thu hẹp, tồn kho, nợ đọng trong đầu tư xây dựng gia tăng. Thị trường bất động sản trầm lắng, nhiều doanh nghiệp phải thu hẹp sản xuất, dừng hoạt động hoặc bị giải thể, số lượng việc làm cho người lao động suy giảm mạnh...

Theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của các DN XD, tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp ngành xây dựng còn cao, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước luôn không đủ khả năng dùng vốn chủ sở hữu của mình để thanh toán các khoản nợ, nhiều DN XD có tỷ số nợ trên vốn chủ sở hữu gấp 10 lần, điều này dẫn đến mất an toàn về tài chính. Mặt khác, còn nhiều tỷ đồng vốn nợ đọng nằm trong các công trình đã thi công xong nhưng vẫn chưa được chủ đầu tư thanh toán, trong khi doanh nghiệp vẫn phải trả lãi vay cho ngân hàng. Do nguồn vốn lưu động của doanh nghiệp đã cạn, không còn khả năng huy động được nữa, nhiều dự án đang thực hiện dở dang không thể thu hút thêm vốn để triển khai, dẫn đến bị đình trệ hoặc tạm hoãn, khiến nhiều doanh nghiệp phải "oằn mình" gánh chi phí lãi vay và các chi phí đầu vào liên tục tăng cao. Trước sức ép về vốn, lãi suất ngân hàng, công trình nhận thi công quá ít, vốn nợ đọng từ công trình đã hoàn thành nhiều, nên doanh nghiệp không lo được việc làm, tiền lương và tiền đóng bảo hiểm cho công nhân; thậm chí doanh nghiệp chỉ đóng bảo hiểm cho số cán bộ gián tiếp, còn lại bộ phận trực tiếp tự lo việc làm và tự đóng bảo hiểm.

1.3. Việc giải quyết nợ đọng trong đầu tư xây dựng và giá trị sản xuất ngành xây dựng

Báo cáo của Kiểm toán Nhà nước công bố gần đây cho thấy, tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí đối với các dự án công cho

chính quyền địa phương thực hiện, bố trí vốn thiếu tập trung làm ảnh hưởng đến khả năng cân đối nguồn vốn. Theo Kiểm toán nhà nước, đến hết năm 2011 các địa phương còn 7.335 dự án đã có quyết định đầu tư với tổng số vốn 273.469 tỷ đồng nhưng vẫn chưa bố trí được vốn đầu tư. Đây là hệ quả của cả một quá trình đầu tư dàn trải, kém hiệu quả trong một thời gian dài cùng sự buông lỏng quản lý và những bất cập về cơ chế, chính sách quản lý vốn đầu tư công.

Tình trạng nợ đọng trong xây dựng cơ bản tại các địa phương từ nhiều năm nay đã gây ra những hậu quả xấu cho DN XD và cả nền kinh tế. Nhanh chóng giải quyết dứt điểm nợ đọng trong xây dựng cơ bản chính là biện pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, người lao động cũng như góp phần xử lý nợ xấu, bảo đảm an ninh tài chính, an toàn nợ công và tăng trưởng kinh tế bền vững. Để góp phần khắc phục tình trạng nợ đọng trong đầu tư xây dựng, Chính phủ ban hành Nghị định số 207/2013/NĐ-CP ngày 11-12-2013, theo đó hợp đồng xây dựng chỉ được ký kết khi bên giao thầu đã có kế hoạch vốn để thanh toán cho bên nhận thầu theo tiến độ thanh toán của hợp đồng.

Về giá trị sản xuất, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước ngành xây dựng năm 2013 đạt khoảng hơn 191 tỷ đồng, đóng góp 5,33% vào tổng sản phẩm trong nước (GDP). Giá trị sản xuất xây dựng năm 2013 theo giá hiện hành đạt trên 769 tỷ đồng (tăng 6,8% so với năm 2012); trong đó doanh nghiệp nhà nước là 97.232 tỷ đồng, doanh nghiệp ngoài nhà nước là 357.178 tỷ đồng, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 33.038 tỷ đồng, loại hình khác (xã, phường, hộ dân cư) là 282.022 tỷ đồng. Giá trị sản xuất xây dựng năm 2013 theo giá so sánh (2010) ước đạt trên 633 tỷ đồng; trong đó doanh nghiệp nhà nước là 81.488 tỷ đồng, doanh nghiệp ngoài nhà nước là 295.216 tỷ đồng, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là khoảng 27 tỷ đồng, loại hình khác là 229.297 tỷ đồng.

1.4. Về nâng cao năng lực quản lý và hiệu quả đầu tư

Các DNXD đã duy trì được khả năng thanh toán hiện thời (bình quân 1,03 lần), tuy nhiên chưa duy trì được khả năng thanh toán nhanh (0,6 lần), khả năng thanh toán tức thời...

Để thực hiện đầu tư theo nguyên tắc an toàn, thận trọng và đảm bảo đầu tư theo giới hạn quy định, các DNXD cần thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đầu tư tài chính, trích lập dự phòng nợ phải thu, dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Nâng cao năng lực quản trị, tuân thủ quy định pháp luật về tiêu chuẩn người quản trị điều hành, không kiêm nhiệm nhiều chức danh tại một DNXD và tại các DNXD nhằm tránh xung đột về lợi ích và nâng cao hiệu quả hoạt động của DNXD. Chỉ đạo các DNXD triển khai thực hiện triệt để các quy trình nghiệp vụ, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, thực hiện nghiêm túc quy định pháp luật về công bố thông tin, đảm bảo đúng, đủ, công khai, minh bạch theo quy định pháp luật...

1.5. Những đóng góp của doanh nghiệp xây dựng

BẢNG 1: Một số kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp xây dựng, 2008-2012

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012
1. Doanh thu bình quân một lao động (triệu đồng/người)	485	382	253	278	307
2. Tỷ lệ nộp ngân sách so với doanh thu (%)	3,33	3,33	3,33	3,32	3,32
3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn kinh doanh (%)	19,51	18,66	17,92	16,16	13,71
4. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (%)	27,31	26,50	25,63	22,78	19,33

2. Giải pháp chủ yếu góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong doanh nghiệp xây dựng**2.1. Giải pháp thuộc về cơ chế, chính sách của Nhà nước****2.1.1. Đẩy mạnh tái cấu trúc doanh nghiệp xây dựng nhà nước**

- Nhiệm vụ chủ đạo giai đoạn 2014 - 2015 là tái cấu trúc các tập đoàn, tổng công ty nhà nước theo hướng cổ phần hóa các công

ty thành viên, tiến tới cổ phần hóa công ty mẹ, các công ty con có quy mô lớn. Giảm số lượng doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp; đa dạng hóa sở hữu, thu hút các nhà đầu tư chiến lược trong và ngoài nước tham gia đầu tư vào DNXD, khuyến khích người lao động mua cổ phần doanh nghiệp.

Trong những năm vừa qua, các DNXD đã có những bước phát triển nhất định. Tuy nhiên, trong điều kiện nước ta chuyển sang nền kinh tế thị trường chưa được lâu nên các doanh nghiệp chưa hoàn toàn thích ứng với cơ chế mới. Mặt khác, trong điều kiện đất nước còn khó khăn về nhiều mặt, thiếu những điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp nói chung và DNXD nói riêng phát triển, nên hiệu quả sản xuất kinh doanh của các DNXD còn thấp và có nhiều doanh nghiệp bị thua lỗ.

Xem xét một số chỉ tiêu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp từ năm 2008 đến năm 2012 cho thấy: năm 2008 hiệu quả sản xuất kinh doanh của các DNXD tăng ở mức cao nhất và giảm dần cho tới nay. Năm 2008, tỷ suất lợi nhuận bình quân của toàn ngành trên vốn sản xuất kinh doanh là 2,055%, trên doanh thu là 2,703%. Các chỉ số đó giảm dần đến năm 2010, tỷ suất lợi nhuận trên vốn chỉ còn 1,06%, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu còn 1,84%. Năm 2012, các chỉ tiêu này lại có sự gia tăng so với các năm trước, tỷ suất lợi nhuận trên vốn là 1,33%, tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu là 2,42%.

- Thoái vốn và bán bớt vốn góp ở những mảng kinh doanh kém hiệu quả ngoài

ngành kinh doanh chính. Xóa bỏ hình thức đầu tư chéo vào các lĩnh vực nhạy cảm như: ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, bất động sản.

- Sắp xếp, đổi mới mô hình tổ chức và hoạt động của DN XD, nâng cao năng lực, hiệu lực quản trị và thực hiện công khai, minh bạch, cạnh tranh bình đẳng trên thị trường.

- Phân định và tăng cường chức năng quản lý nhà nước và chức năng thực hiện quyền chủ sở hữu theo nguyên tắc phải có một cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm chính theo dõi việc sử dụng vốn, tài sản nhà nước và phân tích đánh giá hiệu quả kinh doanh của DN XD. Đổi mới cơ chế đại diện chủ sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp.

- Tái cấu trúc tài chính, trong đó cơ cấu nguồn vốn cho hợp lý, tập trung giải quyết nợ xấu, bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản (VAMC) và Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (DATC).

2.1.2. Hoàn thiện hình thức đại diện chủ sở hữu vốn kinh doanh

Hiện tại hình thức đại diện chủ sở hữu phân tán ở nhiều đầu mối, có sự tham gia của nhiều cơ quan, ban ngành và tổ chức. Thực chất là sự phân chia các chức năng chủ sở hữu vốn cho nhiều cơ quan, tổ chức và cá nhân. Về cơ bản, mô hình này vẫn mang dáng dấp chủ quan, quản lý hành chính nhà nước, thiếu tính chuyên nghiệp của một nhà đầu tư. Đổi mới hình thức đại diện chủ sở hữu vốn kinh doanh tại doanh nghiệp được thực hiện theo nguyên tắc tách bạch quản lý nhà nước với quản lý của chủ sở hữu và quản lý kinh doanh của doanh nghiệp. Do vậy, trong thời gian tới, đổi mới hình thức đại diện chủ sở hữu vốn kinh doanh tại doanh nghiệp phù hợp với quá trình xóa bỏ cơ chế chủ quan có thể thực hiện theo hai giai đoạn.

Giai đoạn 1: từ nay đến năm 2015, tiếp tục duy trì và kiện toàn mô hình hiện tại. Lý do là phần lớn công ty mẹ của các tổng công

ty xây dựng có quy mô vốn điều lệ lớn chưa cổ phần hóa hoàn toàn, chuyển đổi sở hữu mà vẫn giữ 100% vốn điều lệ là vốn nhà nước.

Giai đoạn 2: sau năm 2015, thành lập một tổ chức chuyên trách thuộc Chính phủ để thực hiện chức năng chủ sở hữu vốn kinh doanh tại doanh nghiệp, gọi là cơ quan chủ sở hữu.

2.1.3. Tăng cường quản trị trong doanh nghiệp xây dựng

- a) Hoàn thiện cơ chế quản trị nội bộ trong DN XD.

Cơ chế quản trị nội bộ của doanh nghiệp chính là thước đo trình độ và hiệu quả quản lý của doanh nghiệp đó. Cơ chế quản trị nội bộ thường tập trung vào quy định và thể chế hóa những vấn đề liên quan đến hệ thống và cơ cấu tổ chức, vấn đề phân cấp, phân quyền, những vấn đề liên quan đến đầu tư, quản lý tài chính, nhân sự; vấn đề kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của doanh nghiệp. Một cơ chế quản trị nội bộ chặt chẽ sẽ tạo sức mạnh tổng hợp và cộng hưởng, giúp các công ty thành viên trong nhóm lớn mạnh thực sự, từ đó làm nên sự lớn mạnh của cả doanh nghiệp.

- b) Nâng cao năng lực, quyền hạn, trách nhiệm và tính chuyên nghiệp cho cơ quan đại diện chủ sở hữu; xây dựng đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp có tầm nhìn chiến lược, đủ năng lực và đạo đức nghề nghiệp

Có chiến lược đào tạo bồi dưỡng bài bản đội ngũ các nhà quản lý, điều hành theo chuẩn mực quốc tế và văn hóa Việt Nam; xây dựng cơ chế lựa chọn, bổ nhiệm cán bộ phù hợp; xây dựng cơ chế thuê tổng giám đốc, giám đốc điều hành, thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, ban điều hành, đồng thời có chế độ đãi ngộ và gắn trách nhiệm tương xứng với hiệu quả công việc.

- c) Tăng cường quản lý đảm bảo an toàn tài chính.

Khi doanh nghiệp tăng trưởng quá nhanh và đầu tư tràn lan làm cho nhu cầu

vốn đầu tư rất lớn. Chính vì vậy, mặc dù đã huy động tối đa nguồn vốn bên trong nhưng không thể đáp ứng được yêu cầu, buộc doanh nghiệp phải gia tăng huy động nguồn vốn từ bên ngoài chủ yếu là đi vay. Có nhiều DNXD huy động vốn quá lớn, dư nợ phải trả cao gấp nhiều lần vốn chủ sở hữu, dẫn đến khả năng thanh toán không đảm bảo, ảnh hưởng đến an ninh tài chính. Nếu theo Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp tự vay tự trả, nhưng quy định vay như thế nào, vay để đầu tư cái gì, vay mức bao nhiêu để đảm bảo an toàn tài chính. Điều này dẫn đến các DNXD đi vay tràn lan, đầu tư ra ngoài lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, có doanh nghiệp vay gấp 42 lần so với vốn chủ sở hữu, có nơi 22 lần... Trong khi đó ở nước ngoài có những tập đoàn đã bị phá sản ở mức vay gấp 22 lần so với vốn chủ sở hữu. Chính vì thế cần thiết phải có điều khoản, hay cơ chế điều tiết vấn đề này trong một luật hay đưa vào điều khoản trong Luật Quản lý nợ công để quản lý mức vay, các khoản vay của các DNXD. Bởi vì, nếu doanh nghiệp hoạt động kinh doanh không hiệu quả mà vay để đầu tư tràn lan và bị phá sản thì cuối cùng Nhà nước vẫn phải gánh chịu.

Để giúp các DNXD đảm bảo hợp lý nhu cầu vốn và chi phí vốn, an toàn trong kinh doanh, giảm thiểu rủi ro, Nhà nước cần phải có quy định giới hạn cụ thể cho các DNXD trong việc huy động vốn vay đối với lĩnh vực xây dựng cơ bản. Hay nói một cách khác, Nhà nước cần phải có một giới hạn về hệ số nợ đối với các DNXD. Khi huy động vốn các DNXD không được vượt quá hệ số nợ này để đảm bảo an toàn về tình hình tài chính. Cụ thể, quy định về vay nợ đầu tư của doanh nghiệp, quy định tiêu chí hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu; giới hạn vay nợ trên vốn chủ sở hữu; quy định DNXD do Nhà nước làm chủ sở hữu không được tham gia góp vốn hoặc mua cổ phần tại các Ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư.

2.2. Nhóm giải pháp thuộc về doanh nghiệp xây dựng

a) Tái cấu trúc về tổ chức, lao động.

Trong DNXD, việc thay đổi một nhiệm vụ nào đó trong bộ máy tổ chức quản lý thường không dễ dàng, cần có thời gian để xem xét, quyết định, bởi điều này không chỉ phụ thuộc vào yêu cầu của sự thay đổi mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh mà nó liên quan trực tiếp đến con người. Mô hình tổ chức quản lý hay vị trí công tác không hợp lý sẽ dẫn đến hậu quả làm hạn chế hiệu lực của doanh nghiệp hoặc trực tiếp gây ra tổn thất của quá trình kinh doanh. Vì vậy, để đổi mới, hoàn thiện mô hình tổ chức quản lý là mối quan tâm hàng đầu trong DNXD.

b) Tái cấu trúc về ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh.

Các DNXD cần rà soát danh mục ngành nghề đã có để phân tích đánh giá, ngành nghề nào là chủ đạo, ngành nghề nào có tác dụng hỗ trợ, ngành nghề nào kinh doanh có hiệu quả, ngành nghề nào không hiệu quả, từ đó cắt giảm lao động, xây dựng lộ trình thoái vốn trước ngày 31-12-2015 theo hướng:

- Chuyển vốn về doanh nghiệp có ngành nghề kinh doanh chính cho phù hợp với kế hoạch tái cơ cấu đã được phê duyệt, việc chuyển vốn có thể thực hiện thông qua các hình thức chuyển giao vốn hoặc chuyển nhượng vốn.

- Hoàn thiện cơ chế liên kết giữa các doanh nghiệp thành viên trong tổng công ty thông qua hợp đồng kinh tế, các nội quy, quy chế quản lý, hợp tác giữa công ty mẹ với các công ty con, công ty liên kết; giữa các công ty con, công ty liên kết với nhau.

c) Tái cấu trúc về tài chính.

Những DNXD đang có khó khăn về tài chính, một mặt cần làm rõ trách nhiệm của cán bộ quản lý có liên quan, mặt khác cần cơ cấu lại vốn, tài sản theo hướng: đánh giá thực trạng, xác định nhu cầu vốn để có cơ chế xử lý bổ sung vốn cho tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư cấp bách, hạn chế thất thoát vốn do kéo dài thời gian dự án; cơ cấu lại tài sản bằng cách chuyển nhượng, sáp

nhập các dự án, các khoản đầu tư không hiệu quả hoặc chưa cấp thiết để tập trung nguồn lực cho hoạt động kinh doanh chính.

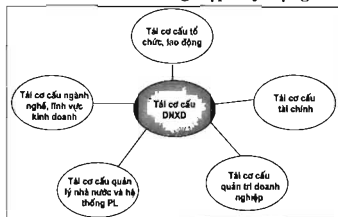
Xử lý nợ, cơ cấu lại nợ bằng các hình thức giãn nợ, hoãn nợ, khoan nợ, bán nợ, giảm lãi suất, xây dựng cơ cấu vốn tối ưu đảm bảo an toàn tài chính dài hạn... Nhà nước thực hiện hỗ trợ xử lý nợ thông qua các định chế trung gian; tăng cường việc mua bán nợ để cơ cấu lại vốn cho các DN XD.

- Mua nợ, xử lý nợ và các tổn tại về tài chính cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp lành mạnh tài chính, tiếp tục duy trì hoạt động và phát triển đủ điều kiện chuyển đổi sở hữu.

d) Tái cấu trúc về quản lý nhà nước và pháp luật.

Khẩn trương tổng kết, đánh giá hiệu quả hoạt động của các tập đoàn, các tổng công ty xây dựng hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con, qua đó điều chỉnh, xây dựng mô hình phù hợp; tổ chức theo cấu trúc phân tầng có giới hạn phù hợp với năng lực quản lý nhà nước và năng lực quản trị của doanh nghiệp. Việc phân tầng quản lý phải phù hợp với phân tầng về tổ chức của tổ hợp, theo đó các cổ đông tăng cường kiểm tra, giám sát, quản lý vốn kinh doanh ở tập đoàn, tổng công ty - công ty mẹ, các công ty mẹ quản lý công ty con.

HÌNH 1: Các nội dung cơ bản của tái cấu trúc doanh nghiệp xây dựng



e) Đẩy mạnh cổ phần hóa DN XD theo hướng giảm số lượng doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại doanh nghiệp, đa dạng hóa hình thức sở hữu.

Số lượng DN XD nhà nước ở nước ta hiện nay chiếm tỷ lệ rất lớn, số doanh nghiệp sản xuất kinh doanh có hiệu quả cao rất ít, sức tri trệ trong doanh nghiệp rất lớn, tư tưởng lãnh đạo của người đứng đầu doanh nghiệp còn trông chờ ỷ lại vào Nhà nước, chỉ có một sở hữu duy nhất là Nhà nước, nên thiếu năng động trong kinh doanh, quản trị doanh nghiệp kém, lổ kéo dài, Nhà nước còn có chính sách bù lỗ, dẫn đến mất vốn Nhà nước. Do vậy, Nhà nước nên giảm số lượng doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước tại DN XD, đa dạng hóa hình thức sở hữu để cùng chia sẻ trách nhiệm khi gặp rủi ro. Nhà nước chỉ nắm giữ vai trò chi phối tỷ lệ 51% đối với lĩnh vực có ảnh hưởng lớn đến việc phát triển kinh tế đất nước, còn lĩnh vực khác nên cổ phần hóa toàn bộ.

2.2.2. Giải quyết nợ xấu trong doanh nghiệp xây dựng

Do những đặc điểm riêng của DN XD nên nợ phải thu chiếm tỷ trọng chính trong cơ cấu nợ xấu của doanh nghiệp. Một số giải pháp chủ yếu doanh nghiệp cần áp dụng, đó là:

Thứ nhất, phân loại theo "tuổi" của các khoản nợ để xác định phương thức xử lý phù hợp. Vấn đề cần quan tâm nhất trong công tác quản trị nợ là thường xuyên rà soát, xem xét nợ phải thu đến hạn thanh toán và nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Thứ hai, áp dụng giải pháp xử lý nợ tương ứng với từng đối tượng khách nợ:

- Đối với khách nợ là Nhà nước: những khoản nợ phải thu của doanh nghiệp mà khách nợ là Nhà nước thường là giá trị khối lượng xây lắp đã hoàn thành nhưng chưa được Nhà nước thanh toán; do vậy, trách nhiệm xử lý chủ yếu thuộc về các cơ quan quản lý nhà nước, mà vấn đề đầu tiên là phải có cơ chế quản lý vốn đầu tư phù hợp.

- Đối với khách nợ là chủ dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước: nếu khách nợ gặp khó khăn về tài chính, doanh nghiệp chia sẻ, chủ động gặp gỡ, đàm phán để đưa ra phương thức và thời hạn thu hồi hợp lý. Nếu đó là những khó

khẩn tạm thời, doanh nghiệp có thể gia hạn nợ để khách nợ có thêm thời gian huy động vốn và phục hồi sản xuất kinh doanh. Nếu chủ đầu tư không có khả năng hoàn trả hoặc chảy ỳ nhằm chiếm dụng vốn, doanh nghiệp phải tìm đến cách giải quyết thông qua toà án, bán nợ hoặc thuê dịch vụ đòi nợ.

Thứ ba, thực hiện thị trường hóa việc xử lý nợ. Thị trường hóa việc xử lý nợ là việc xử lý nợ được thực hiện bởi các tổ chức xử lý nợ chuyên biệt, mang tính chuyên nghiệp theo cơ chế thị trường. Thị trường hóa việc xử lý nợ tạo điều kiện nâng cao tính thanh khoản đối với các khoản nợ tồn đọng cho doanh nghiệp. Mặc dù thị trường mua bán nợ của nước ta đang phát triển, Nhà nước đã có Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (DATC); Công ty Quản lý tài sản (VAMC). Đây là những tổ chức xử lý nợ có tính chuyên nghiệp. Vì vậy, những khoản nợ tồn đọng có hồ sơ đầy đủ, áp dụng phương thức này sẽ sớm mang lại kết quả. Doanh nghiệp có thể áp dụng các hình thức xử lý nợ như bán nợ hoặc thuê dịch vụ đòi nợ.

2.2.3. Xây dựng phương thức quản trị vốn kinh doanh

a) Giao cho một cơ quan đầu mối để theo dõi việc sử dụng vốn, tài sản nhà nước.

Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, phạm vi đầu tư và hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) chịu trách nhiệm chính trong việc theo dõi, giám sát, tổng hợp tình hình hoạt động, quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước; phân tích đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và việc chấp hành quy định pháp luật trong quản lý DN XD theo nguyên tắc cơ chế thị trường để tạo lập môi trường cạnh tranh bình đẳng giữa các khu vực doanh nghiệp. Đây nhanh quá trình phân định rạch ròi chức năng quản lý nhà nước và chức năng thực hiện quyền sở hữu. Từ đó hoàn thiện cơ chế phân cấp thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước theo nguyên tắc có cơ quan đầu mối chịu trách nhiệm.

b) Hoàn thiện cơ cấu vốn theo kết cấu tài sản.

- Hoàn thiện cơ cấu tài sản ngắn hạn: cơ cấu tài sản ngắn hạn chiếm trong tổng tài sản là tỷ trọng của ngắn hạn so với tổng tài sản của doanh nghiệp, trong đó chi tiết tỷ trọng từng loại tài sản ngắn hạn so với tổng tài sản của DN XD, như: tỷ trọng tiền của doanh nghiệp; tỷ trọng các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn; tỷ trọng các khoản phải thu của khách hàng; các khoản phải thu khác; hàng tồn kho...

- Hoàn thiện cơ cấu tài sản dài hạn: DN XD cần lưu ý đến các khoản đầu tư tài chính dài hạn (bao gồm đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết, công ty liên doanh và các khoản đầu tư dài hạn khác) là các khoản đầu tư tạo nguồn lợi nhuận lâu dài cho doanh nghiệp. Bởi vậy, các DN XD cần tranh thủ cơ hội để tăng cường cho hoạt động này.

c) Hoàn thiện cơ cấu vốn theo nguồn hình thành.

- Giảm các khoản nợ phải trả: để giảm các khoản nợ phải trả, trước hết các DN XD cần rà soát lại tất cả các khoản nợ phải trả, tiến hành phân loại theo từng nhóm đối tượng (như: các khoản phải trả người lao động; các khoản phải nộp ngân sách nhà nước, nộp bảo hiểm xã hội; các khoản phải trả người bán; các khoản phải trả khác...), sau đó sắp xếp theo thời gian phải trả (những khoản nợ quá hạn, những khoản nợ đến hạn phải trả), tiếp đến là tìm nguồn để trả.

- Củng cố và phát triển thị trường chứng khoán tạo điều kiện để doanh nghiệp đa dạng hóa các kênh huy động vốn dài hạn trên thị trường: kênh huy động nợ dài hạn truyền thống của các doanh nghiệp hiện tại vẫn là vay ngân hàng, việc phụ thuộc quá lớn vào vốn vay ngân hàng làm cho các DN XD gặp nhiều khó khăn trong đa dạng vốn dài hạn để đảm bảo cơ cấu vốn mục tiêu. Kênh huy động nợ bằng cách phát hành các loại trái phiếu và giấy nhận nợ là một cách thức huy động vốn rất phổ biến ở các nước có thị trường chứng khoán phát triển. Tuy nhiên, hình thức huy động vốn này ở Việt

Nam chưa thực sự phát triển, chủ yếu là những Tổng công ty Vinaconex, Tổng công ty Xi măng, Tổng công ty Điện lực, Tổng công ty HUD... Như vậy, các DN XD nhà nước còn chưa quan tâm nhiều đến hình thức huy động vốn này. Để tăng tính hấp dẫn của trái phiếu, các doanh nghiệp có thể phát hành các trái phiếu có điều kiện ưu đãi nhất định như trái phiếu có đảm bảo bởi bên thứ ba, trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu, trái phiếu dài hạn đảm bảo giá trị tương đương bằng ngoại tệ mạnh... để các nhà đầu tư yên tâm hơn khi mua trái phiếu của DN XD nhà nước phát hành. Điều này cũng có nghĩa là việc huy động nợ bằng phát hành trái phiếu của doanh nghiệp mới có thể phát triển được và giúp doanh nghiệp dễ dàng tái cơ cấu nguồn vốn. Chính vì vậy, sự phát triển của thị trường chứng khoán là điều kiện tiên quyết để các DN XD huy động vốn dài hạn cho hoạt động kinh doanh của mình. Tuy nhiên, hiện nay thị trường chứng khoán ở Việt Nam vẫn chưa là kênh huy động vốn dài hạn quan trọng của các công ty niêm yết, mới chỉ có vai trò tăng tính thanh khoản cho các cổ phiếu của công ty niêm yết, vì thị trường chứng khoán Việt Nam còn đang trong giai đoạn mới phát triển, do đó tính pháp lý hệ thống văn bản chưa cao. Vì vậy, cần nâng cao tính pháp lý của hệ thống văn bản về thị trường chứng khoán nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nói chung, DN XD nhà nước nói riêng tham gia vào thị trường an toàn và hiệu quả. Khuyến khích các doanh nghiệp phát hành chứng khoán để huy động vốn phát triển thị trường chứng khoán; đối với công ty cổ phần có vốn nhà nước, thông qua người đại diện phần vốn nhà nước và sử dụng quyền của cổ đông để thực hiện niêm yết ra thị trường chứng khoán.

d) Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong khâu thanh toán.

- Chủ động tự thu hồi dứt điểm công nợ: giải pháp trước mắt là các DN XD cần có biện pháp thu hồi các khoản công nợ, cụ thể: *thứ*

nhất, tiến hành phân loại tuổi nợ, đối tượng nợ, số tiền nợ, thời gian nợ. *Thứ hai*, xem xét các khoản nợ thuộc công trình nào? Công trình đó có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước hay ngân sách của địa phương? hay nguồn tự có, vốn viện trợ của nước ngoài... *Thứ ba*, làm rõ việc khách hàng chưa trả tiền là do nguyên nhân chủ quan của doanh nghiệp hay nguyên nhân khách quan. Nguyên nhân nào doanh nghiệp có thể khắc phục được, nguyên nhân nào doanh nghiệp không thể khắc phục được, từ đó xây dựng kế hoạch và đề ra biện pháp thu hồi từng khoản nợ. *Thứ tư*, xem xét lại các điều khoản (nhất là các điều khoản về thanh toán) trong các hợp đồng nhận thầu với các chủ đầu tư, từ đó xác định những khoản nợ nào, của những chủ đầu tư nào được tính lãi do chậm trả và số lãi chậm trả cụ thể của từng khách hàng (chủ đầu tư) là bao nhiêu. *Thứ năm* đưa ra biện pháp thu hồi từng khoản công nợ.

- Không để phát sinh nợ mới: để không phát sinh nợ mới, các DN XD cần thực hiện các giải pháp: *thứ nhất*, chỉ tham gia đấu thầu xây dựng các công trình có nguồn vốn rõ ràng và nếu là nguồn vốn ngân sách thì phải được ghi trong kế hoạch vốn của Nhà nước hoặc kế hoạch vốn của địa phương. *Thứ hai*, do đặc điểm sản phẩm xây dựng và quá trình sản xuất xây dựng có quy mô lớn, thời gian xây dựng dài nên phải thanh toán theo định kỳ khi có khối lượng thực hiện được nghiệm thu. Vì vậy, để được chủ đầu tư thanh toán cho khối lượng xây dựng hoàn thành, các DN XD cần chủ động trong khâu thanh toán, bằng cách thực hiện đầy đủ hồ sơ kỹ thuật, hồ sơ chất lượng, bản vẽ hoàn công.

- Chủ động lập kế hoạch khối lượng và kế hoạch vốn đầu tư. Kế hoạch khối lượng: là khối lượng công việc phải làm trong năm kế hoạch theo tiến độ. Khối lượng này phải có trong thiết kế và dự toán công trình, dự toán hạng mục được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Về mặt giá trị, đó là giá trị khối lượng được xác định phải làm trong năm kế hoạch.

Kế hoạch vốn đầu tư: là khối lượng vốn đầu tư cần có để đảm bảo thanh toán cho giá trị khối lượng hoàn thành đủ điều kiện thanh toán.

- Rút ngắn thời gian thi công công trình: giải phóng mặt bằng là một trong những khâu quan trọng trong quá trình xây dựng. Thực tế, các DNXD thường gặp khó khăn trong vấn đề giải phóng mặt bằng, nguyên nhân chậm tiến độ chủ yếu do không giải phóng được mặt bằng. Đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến việc thời gian thi công của các công trình luôn kéo dài. Nguyên nhân chủ yếu của việc chậm trễ trong việc giải phóng mặt bằng là do chủ đầu tư không đáp ứng đầy đủ yêu cầu của người dân, của chủ tài sản, dẫn đến nhà thầu không có mặt bằng để thi công như: chưa thỏa thuận được phương án đền bù tài sản gắn liền trên đất với người dân, chưa bố trí đủ vốn đền bù, không khảo sát kỹ địa chất công trình, xác định cơ tuyến, cơ mấu, quy chuẩn xây dựng để thi công đại trà... Từ đó nhà thầu lúng túng trong thi công và chậm trễ tìm phương án tháo gỡ khó khăn, dẫn đến chậm tiến độ, thiệt hại về kinh tế, ảnh hưởng đến lợi nhuận và hiệu quả sử dụng vốn của doanh nghiệp. Do vậy, Nhà nước cần thành lập các doanh nghiệp chuyên trách để giải quyết công việc giải phóng mặt bằng, xây dựng định mức đền bù, giá đền bù cho sát với thực tế.

Kết luận

Khẳng định và tập trung thực hiện tốt chiến lược phát triển về thể chế (cả thị trường và nhà nước), nâng cao kết cấu hạ tầng, gắn việc thực hiện phát triển kinh tế nhanh, bền vững gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, đảm bảo phúc lợi xã hội với an sinh xã hội, vừa là mục đích, vừa là yêu cầu đang và sẽ tiếp tục được quan tâm trong giai đoạn hiện nay.

Giải quyết tốt mối quan hệ giữa giải quyết tốt quan hệ giữa tăng trưởng và ổn định

doanh nghiệp một cách đồng bộ với phúc lợi xã hội và an sinh xã hội luôn là đòi hỏi được chú trọng đầu tiên và quyết liệt cần thực hiện đối với mỗi doanh nghiệp nói chung và từng doanh nghiệp xây dựng nói riêng, gắn tái cấu trúc nền kinh tế với hoạt động quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn kinh doanh trong DNXD; đẩy mạnh hợp tác quốc tế với tăng cường kiểm tra, giám sát quản lý, huy động và sử dụng vốn một cách đồng bộ giữa các giải pháp phù hợp sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa doanh nghiệp hiện nay./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặng Văn Thanh (2010), "*Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước với các tập đoàn và tổng công ty và hiệu quả kinh doanh vốn nhà nước*", Tham luận Hội thảo "Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong chương trình hành động của Chính phủ thực hiện chiến lược phát triển kinh tế xã hội 2011 - 2020".
2. Nguyễn Đức Thành (chủ biên) (2012), "*Đổi diện thách thức tái cơ cấu kinh tế*", Báo cáo thường niên kinh tế Việt Nam 2012 - VEPR.
3. Trương Quang Thông (2009), "*Cơ chế quản lý tài chính các tập đoàn kinh tế nhà nước: khuyến nghị từ thực tiễn*", Báo Diễn đàn doanh nghiệp, ngày 5-8-2009.
4. Tổng cục Thống kê (2010), "*Doanh nghiệp Việt Nam 9 năm đầu thế kỷ XXI*", Nxb Thống kê.
5. Tổng cục Thống kê (2011), "*Kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Việt Nam 2009*", Nxb Thống kê.
6. Peter Nolan and Wang Xiaoli (1999), "*Beyond privatization: Institutional innovation and growth in China's large state owned enterprises*", World Development, Volume 27 (1), pp. 169-200 (32).
7. Rafael La Porta & Florencio Lopez - De - Silanes & Andrei Shleifer (1999), "*Corporate Ownership Around the World*", Journal of Finance, American Finance Association, Vol 54 (2), pp. 471-517.
8. Wei, Zuo Bao & Varela, Oscar (2003), "*State equity ownership and firm market performance: evidence from China's newly privatized firms*", Global Finance Journal, Vol 14 (1), pp. 65-82.
9. Shleifer, Andrei & Vishny, Robert W (1997), "*A survey of Corporate Governance*", American Finance Association, Vol 52 (2), pp. 737-83.